

BÀI CA NGẪN ĐI TRÊN BÃI CÁT

(Sa hành đoản ca)

CAO BÁ QUÁT

I. TIỂU DẪN

1. Tác giả Cao Bá Quát (1809?- 1855)

- Người tỉnh Bắc Ninh, có tài năng, bản lĩnh, được tôn là Thánh Quát.
- Thơ văn ông thể hiện thái độ phê phán mạnh mẽ chế độ nhà Nguyễn trì trệ, bảo thủ, phản ánh nhu cầu đổi mới xã hội.
- Mất trong cuộc khởi nghĩa chống lại chế độ phong kiến nhà Nguyễn.

2. Bài thơ

- Hoàn cảnh sáng tác: Được làm trong những lần Cao Bá Quát đi thi Hội. Trên đường vào kinh đô Huế qua các tỉnh miền trung đầy cát trắng (Quảng Bình, Quảng Trị). Hình ảnh bãi cát dài, sóng biển, núi là những hình ảnh có thực gợi cảm hứng cho nhà thơ.
- Thể loại: thể thơ cổ – thể hành (ca hành).
- Bố cục: 3 đoạn
- + 4 câu đầu: Hình ảnh người đi trên bãi cát.
- + 6 câu tiếp: Miêu tả thực tế cuộc đời và tâm trạng chán ghét trước phường mưu cầu danh lợi.
- + 7 Câu cuối: Đường cùng của kẻ sĩ và tâm trạng bi phẫn.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1. Ý nghĩa của các yếu tố miêu tả thực bãi cát và hình ảnh người đi trên bãi cát.

a. Yếu tố tả thực

❖ Bãi cát (chủ yếu ở đoạn 1 và một phần đoạn 3)

- Bãi cát – điệp ngữ
- + Mờ mịt.
- + Vây quanh bởi “*núi muôn trùng*”, “*sóng dào dạt*”
- Gợi hình ảnh một sa mạc cát mênh mông, dài vô tận, khó xác định phương hướng.

❖ Người đi trên cát:

- Bước đi trầy trật, khó khăn (*Đi một bước như lùi một bước*).
- Tắt tã đi không kể thời gian (*Mặt trời đã lặn, chưa dừng được*).
- Mệt mỏi, chán ngán (*Nước mắt tuôn rơi, ngao ngán lòng*).
- Cô độc (*Mình anh trơ trọi trên bãi cát*)
- Cô đơn, nhỏ bé giữa mờ mịt cát, phía trước là đường cùng, chẳng thấy đích đến.

b. Ý nghĩa biểu trưng:

- Bãi cát: Tượng trưng cho con đường danh lợi đầy chông gai nhọc nhằn.
- Người đi đường: tất tả như vậy vì danh lợi, (không phải vì lí tưởng cao đẹp).
Nho sĩ phải thi cử, ra làm quan để vào đời. Cao Bá Quát nhận thấy con đường danh lợi đầy nhọc nhằn, chông gai. Tuy chưa tìm được đường đi khác, song ông thấy không thể đi mãi trên bãi cát danh lợi đó.

2. Giải thích nội dung và sự liên kết logic giữa 6 câu thơ

- 2 câu đầu: Thể hiện nỗi chán ngán của tác giả thấy mình cứ hành hạ thân xác theo đuổi mãi đường công danh (*buộc phải treo non, lội suối*).
- 4 câu tiếp theo: Những kẻ ham danh lợi đều phải chạy ngược chạy xuôi rất vất vả. Tác giả ví mùi danh lợi như rượu ngon dễ say người, ít ai thoát khỏi sự cám dỗ của nó.

➤ Tác giả kết luận: Cần phải thoát ra cơn say danh lợi vô nghĩa.

3. Tâm trạng của lữ khách và tâm tư tưởng của Cao Bá Quát.

- Lữ khách: Đau đớn, cô độc, bế tắc.
- Tư tưởng Cao Bá Quát: thấy rõ tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, con đường công danh theo lối cũ. Tự tìm cho mình con đường đi đúng để thực hiện lí tưởng cao đẹp, có ích cho đời. Đó là lí do ông đến cuộc khởi nghĩa chống lại nhà Nguyễn.

4. Ý nghĩa của nhịp điệu bài thơ

- Nhịp điệu được tạo nên nhờ sự thay đổi độ dài của câu thơ và cách ngắt nhịp của mỗi câu.
 - Câu cuối: không có cặp đối, như câu hỏi đầy ám ảnh.
- Nhịp điệu diễn đạt sự gập ghềnh, trắc trặc của những bước đi trên bãi cát dài, tượng trưng cho con đường công danh chán ghét.

➤ Ghi nhớ: SGK

PHÂN TÍCH ĐỀ, LẬP DÀN Ý BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. PHÂN TÍCH ĐỀ

☞ **Đọc các đề bài và trả lời câu hỏi:**

1. Kiểu đề

- Đề 1: Định hướng rõ các nội dung nghị luận (còn gọi là đề nổi, đề đóng).
- Đề 2, 3: Người viết tự giải mã giá trị nội dung, hình thức (còn gọi là đề chìm, đề mở).

2. Vấn đề cần nghị luận

- Đề 1: Việc chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới.
- Đề 2: Tâm sự Hồ Xuân Hương trong bài *Tự tình II*.
- Đề 3: Vẻ đẹp bài thơ *Câu cá mùa thu*.

3. Dẫn chứng

- Đề 1: Thuộc lĩnh vực đời sống xã hội.
- Đề 2, 3: Bài thơ và cuộc đời tác giả

☞ **Phân tích đề là gì?** (ghi nhớ 1)

II. LẬP DÀN Ý

1. Lập dàn ý cho các đề bài

➤ Đề 1

I. Mở bài: Giới thiệu vấn đề(Nhìn nhận được cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam để bước vào thế kỉ XXI)

II. Thân bài: Triển khai vấn đề.

1. Cái mạnh: Thông minh và nhạy bén với cái mới(ý phụ)

2. Cái yếu: Còn nhiều (ý chính).

- Những lỗ hổng về kiến thức.

- Khả năng thực hành, sáng tạo bị hạn chế.

(Sử dụng tổng hợp thao tác giải thích, chứng minh, bình luận...).

III. Kết bài: Đánh giá ý nghĩa của vấn đề, bài học...

➤ Đề 2

I. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận và thao tác nghị luận (*tâm sự của HXH trong bài Tự tình*)

II. Thân bài:

1. Cảm nhận chung về tâm sự của HXH (*nỗi xót xa phần uất trước duyên phận hẩm hiu*)

2. Triển khai làm rõ vấn đề theo bố cục bài thơ:

- Nỗi cô đơn, bẽ bàng.

- Nỗi đau buồn vì tuổi xuân trôi qua nhưng hạnh phúc chưa trọn vẹn.

- Bày tỏ uất ức, muốn phản kháng.

- Trở lại nỗi xót xa duyên phận hẩm hiu.

III. Kết bài: Tóm tắt ý, đánh giá ý nghĩa của vấn đề.

2. Lập dàn ý: Gồm 3 phần.

- Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Thân bài: Triển khai luận đề bằng những luận điểm.

- Kết bài: Tóm tắt ý, mở rộng, đánh giá ý nghĩa vấn đề, bài học.

III. GHI NHỚ : SGK

IV. LUYỆN TẬP

➤ Phân tích đề và lập dàn ý cho đề bài 1:

❖ Phân tích đề

- Yêu cầu nội dung: Tính hiện thực trong đoạn trích.
- Dẫn chứng: Tác phẩm và đoạn trích.
- Thao tác: Tổng hợp các thao tác nghị luận.

❖ Lập dàn ý:

- Mở bài: Giới thiệu tg, tp, đoạn trích, vấn đề nghị luận và thao tác nghị luận (cảm nhận về tính hiện thực trong đoạn trích...)
- Thân bài:
 - + Giải thích “ tính hiện thực”
 - + Triển khai làm rõ luận đề:
 - Cảnh xa hoa lộng lẫy của phủ chúa.
 - Những nghi thức, cung cách sinh hoạt.

(Chọn dẫn chứng, phân tích, phát biểu cảm nhận... để làm rõ các ý)

- Kết bài: Tóm tắt ý, đánh giá ý nghĩa vấn đề...

THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

❖ Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

1. Luận điểm (ý kiến, quan niệm): Sở Khanh là kẻ bản thủ, bản tiện, đại diện cho sự đồi bại của xã hội Truyen Kiều.
2. Luận cứ (các yếu tố được phân tích):
 - Sở Khanh sống bằng nghề đồi bại, bất chính.
 - Là kẻ đồi bại nhất trong những kẻ làm cái nghề đồi bại, bất chính đó: giả làm người tử tế để đánh lừa một người con gái ngây thơ; trở mặt một cách tráo trở; thường xuyên lừa bịp, tráo trở.
3. Thao tác phân tích kết hợp chặt chẽ với tổng hợp:

Sau khi phân tích chi tiết bộ mặt lừa bịp tráo trở của Sở Khanh → tổng hợp và khái quát bản chất của hắn: “...mức cao nhất của tình hình đồi bại trong xã hội này”
4. Phân tích trong văn nghị luận
 - Phân tích là chia nhỏ đối tượng thành các yếu tố để xem xét một cách kĩ càng nội dung, hình thức và mối quan hệ bên trong cũng như bên ngoài của chúng.
 - Phân tích bao giờ cũng gắn liền với tổng hợp.

II. CÁCH PHÂN TÍCH

☞ **Đọc và phân tích ngữ liệu:**

➤ **Ngữ liệu ở mục I:**

- Phân tích dựa trên cơ sở quan hệ nội bộ trong bản thân đối tượng (*nhân cách bản thủ, bản thiện của Sở Khanh*).
- Phân tích kết hợp với tổng hợp.

➤ **Ngữ liệu 1 mục II:**

- Phân tích theo quan hệ nội bộ đối tượng: đồng tiền vừa có tác dụng tốt, vừa có tác dụng xấu (*sức mạnh tác oai, tác quái*)
- Phân tích theo quan hệ kết quả - nguyên nhân:
 - + Nhìn về mặt tác quái của đồng tiền (kết quả)
 - + Vì một loạt hành động gian ác, bất chính đều do đồng tiền chi phối... (giải thích nguyên nhân)
- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân – kết quả: phân tích sức mạnh tác quái của đồng tiền → thái độ phê phán, khinh bỉ của Nguyễn Du khi nói đến đồng tiền

☞ Phân tích luôn gắn liền với tổng hợp: sức mạnh của đồng tiền, thái độ, cách hành xử của các tầng lớp xã hội đối với đồng tiền và thái độ của Nguyễn Du đối với xã hội đó.

➤ **Ngữ liệu 2 mục II:**

- Phân tích theo quan hệ nguyên nhân – kết quả: Bùng nổ dân số (nguyên nhân) → ảnh hưởng đến đời sống con người (kết quả).
- Phân tích theo quan hệ nội bộ của đối tượng – các ảnh hưởng xấu của việc bùng nổ dân số đến con người:
 - + Thiếu lương thực thực phẩm.
 - + Suy dinh dưỡng, suy thoái nòi giống.
 - + Thiếu việc làm, thất nghiệp.

☞ Phân tích kết hợp với khái quát tổng hợp: Bùng nổ dân số → ảnh hưởng nhiều mặt cuộc sống con người → dân số tăng nhanh thì chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gia đình, cá nhân càng giảm sút.

III. GHI NHỚ: SGK

VI. LUYỆN TẬP

❖ **Bài tập 1**

- a. Quan hệ nội bộ của đối tượng (*diễn biến, các cung bậc tâm trạng của Thuý Kiều*): đau xót, quẫn bách vì hoàn toàn bế tắc.
- b. Quan hệ giữa đối tượng này với đối tượng khác: Bài thơ lời kĩ nữ của Xuân Diệu với bài Tì bà hành của Bạch Cư Dị.

❖ **Bài tập 2:** Về nhà làm.

LUYỆN TẬP THAO TÁC LẬP LUẬN PHÂN TÍCH

❖ Bài tập 1

a. Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự ti

- Tự ti: là tự đánh giá thấp mình nên thiếu tự tin. Tự ti hoàn toàn khác với khiêm tốn.
- Những biểu hiện:
 - + Không dám tin tưởng vào năng lực, sở trường, sự hiểu biết... của mình.
 - + Nhút nhát, tránh những chỗ đông người.
 - + Không dám mạnh dạn đảm nhận những nhiệm vụ được giao.
- Tác hại: Không tốt cho bản thân (không phát huy được mặt mạnh của mình)

b. Những biểu hiện và tác hại của thái độ tự phụ

- Tự phụ: Là thái độ đề cao quá mức bản thân, tự cao tự đại đến mức coi thường người khác. Tự phụ khác với tự hào.
- Những biểu hiện:
 - + Luôn đề cao quá mức bản thân.
 - + Luôn tự cho mình là đúng.
 - + Khi làm được một việc gì đó lớn lao thì thậm chí còn tỏ ra coi thường người khác.
- Tác hại: Không tốt cho bản thân (khó hoà đồng).

c. Xác định thái độ hợp lí: đánh giá đúng bản thân để phát huy mặt mạnh, hạn chế và khắc phục mặt yếu.

❖ Bài tập 2

- Nghệ thuật sử dụng từ ngữ giàu hình tượng và cảm xúc qua các từ: *lôi thôi, ậm ọ.*
- Đảo trật tự cú pháp: nhằm nhấn mạnh vào đáng điệu và hành động của sĩ tử và quan trường.
- Sự đối lập giữa sĩ tử và quan trường (*cả hai đều hài hước*).
- Cảm nhận chung về cảnh thi cử ngày xưa: hết sức lộn xộn, nhốn nháo.